

BỐI CẢNH QUỐC TẾ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA NÓ TỚI CON ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN CỦA TRUNG QUỐC VÀ ẤN ĐỘ

*PGS. TS Trần Văn Tùng**

(tiếp theo và hết)

II. TÁC ĐỘNG CỦA BỐI CẢNH QUỐC TẾ ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ CỦA TRUNG QUỐC VÀ ẤN ĐỘ

Trung Quốc và Ấn Độ sẽ ứng phó như thế nào trước những xu thế phát triển, luật chơi và các hình thức chi phối trật tự kinh tế thế giới? Hơn một thập niên kể từ năm 1990 đến nay, Trung Quốc và Ấn Độ đã tranh thủ được nhiều cơ hội như tiếp nhận vốn đầu tư, tri thức công nghệ, đối thoại hợp tác... đưa đất nước mình bước vào thời kỳ phát triển mới.

1. Tác động của toàn cầu hóa, chuyển giao công nghệ đến sự phát triển kinh tế Trung Quốc

Trong những thập niên gần đây, báo chí quốc tế đã bàn luận nhiều tới sự phát triển nhanh của nền kinh tế Trung Quốc. Trung Quốc đang trở thành một trung tâm của kinh tế thế giới trong bối cảnh toàn cầu hóa, cách mạng khoa học phát triển mạnh.

Nếu so sánh với Nhật Bản, thì thấy kinh tế Trung Quốc đang phát triển theo con đường không phải chủ yếu dựa vào sao chép công nghệ toàn cầu, mà là nơi đầu tư phát triển các công nghệ mới, đặc biệt là công nghệ thông tin, gen và công nghệ

nano. ít có quốc gia nào lại thay đổi nhanh chóng như Trung Quốc kể từ thập niên 1970 đến nay. Quyết định mở cửa nền kinh tế để thu hút FDI và thúc đẩy xuất khẩu đã đưa lại cơ hội cho Trung Quốc thâm nhập sâu hơn vào nền kinh tế thế giới so với Nhật Bản và Hàn Quốc sau chiến tranh. Trong năm 2004, Trung Quốc là nước chỉ sau Mỹ về thu hút FDI với dòng vốn đầu tư tích lũy đến năm đó chiếm tới 40% GDP. Nhờ thu hút FDI, Trung Quốc trở thành công xưởng sản xuất khổng lồ, chuyển từ sản xuất hàng hóa đơn giản, sang hàng hóa tinh vi có công nghệ cao. Tỷ trọng xuất khẩu của Trung Quốc trong tổng giá trị xuất khẩu toàn cầu là 6%. Bùng nổ về vốn đầu tư, xuất khẩu, nhập khẩu tại Trung Quốc đã đóng góp 16% vào mức tăng trưởng kinh tế thế giới, chỉ đứng sau kinh tế Mỹ.

Dòng vốn FDI vào Trung Quốc tiếp tục tăng một phần do chính phủ Trung Quốc luôn cải thiện môi trường đầu tư, thị trường Trung Quốc đông dân với sức mua đang lên. Mặt khác do nền kinh tế Nhật Bản trì trệ suốt hơn một thập niên, kinh tế các nước Đông Á khủng hoảng, cho nên FDI từ nhiều quốc gia trên thế giới hướng vào thị trường Trung Quốc, kể cả vốn FDI từ Nhật Bản. Ngoài sự tăng trưởng cao đặc biệt do đầu tư tạo ra, sự phát triển

* Phó giáo sư, Tiến sĩ
Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới

của Trung Quốc còn thể hiện ở chỗ họ cam kết phát triển các ngành công nghệ cao. Nhờ vậy mà nhiều sản phẩm của các ngành công nghiệp sử dụng công nghệ cao như công nghiệp ô tô, công nghiệp sản xuất các thiết bị thông tin, viễn thông, hàng hóa của Trung Quốc đã được các khách hàng của nhiều nước ưa chuộng. Thị phần các loại hàng hóa này của Trung Quốc tại các nước công nghiệp tiếp tục mở rộng. Trung Quốc nổi lên thành một trung tâm kép, nghĩa là trở thành một trung tâm chế tạo cho phần còn lại của thế giới về hàng hóa cấp thấp, đồng thời cũng là trung tâm chế tạo cho phần còn lại của thế giới về hàng hóa chất lượng cao. Trung Quốc đã xua tan khái niệm "đàn nhạn bay" do học giả Nhật Bản Akamatsu đưa ra vào năm 1930. Nói khác đi là Trung Quốc không bay đàn do Nhật Bản dẫn đầu.

Tận dụng cơ hội các nước công nghiệp phát triển các dịch vụ ngoài biên giới, Trung Quốc có tham vọng cho phối cả hai thị trường phần cứng và phần mềm thế giới với mục tiêu giành được 60% thị trường phần mềm nội địa và nhân giá trị xuất khẩu phần mềm đến 2010 lên 10 lần, đạt 22 tỷ USD. Trung Quốc không có lợi thế về ngôn ngữ như Ấn Độ, nhưng nước này không thiếu kỹ sư phần mềm. Bởi vì số kỹ sư tốt nghiệp đại học của Trung Quốc về công nghệ thông tin hàng năm là 350 nghìn, gấp 3 lần Ấn Độ. Trung Quốc cũng có tiềm năng trong việc phát triển công nghệ phần cứng. Các công ty của Trung Quốc đã thành công trong việc chiếm lĩnh thị trường. Thí dụ năm 2000 công ty máy tính Legend của Trung Quốc đã chiếm 26% thị phần thế giới so với 6% của IBM và 3,8% của HP. Nhờ thu hút FDI từ Hồng Kông, Đài Loan, Mỹ, Tây Âu và Nhật Bản, Trung Quốc đã dần dần thế giới về sản xuất các mặt hàng điện tử dân

dụng. Dự kiến Trung Quốc sản xuất 1/2 đầu DVD, máy ảnh kỹ thuật số, 1/3 ổ DVD-ROM, máy tính để bàn, máy tính xách tay, 1/4 số lượng điện thoại di động, TV màu của cả thế giới. Ngoài lĩnh vực công nghệ thông tin, Trung Quốc cũng tiếp thu và phát triển công nghệ gen để tạo ra nhiều giống lúa, ngô mới cho năng suất cao. Tốc độ tăng trưởng trong nông nghiệp cũng rất ấn tượng.

Tự do hóa thương mại trong quá trình toàn cầu hóa là cơ hội tốt cho Trung Quốc tiếp tục cải cách mở cửa, tăng cường hợp tác kinh tế với các nước trong khu vực và các nền kinh tế hùng mạnh. Sau khi mục tiêu tham gia WTO đã đạt được, giá trị xuất khẩu của Trung Quốc tăng nhanh đã làm cho các đối tác thương mại đặc biệt là Mỹ và EU không hài lòng. Bởi vì thâm hụt thương mại của Mỹ với Trung Quốc là 105 tỷ USD, năm 2005 con số đó là 200 tỷ USD. Nhật Bản đã từng là đối tác thương mại lớn sau Mỹ đối với các nước Đông Á. Kinh tế Nhật Bản trì trệ, xuất khẩu hàng hóa vốn từ Nhật Bản sang các nước Đông Á và nhập khẩu hàng hóa từ các quốc gia này giảm sút. Trung Quốc tăng cường hợp tác với Đông Á, kim ngạch nhập khẩu của Trung Quốc tăng từ 4,1 tỷ USD lên 370 tỷ USD trong thời kỳ 1990 - 2004 và xuất khẩu tăng từ 4,1 tỷ USD lên 380 tỷ USD. Trung Quốc đang tích cực thúc đẩy việc thành lập khu vực mậu dịch tự do ASEAN+3, cải thiện quan hệ với các nước Đông Nam Á trong vấn đề biển Đông. Bởi vì đây là một khu vực có nhiều tiềm năng, với số dân 2 tỷ, tốc độ tăng trưởng cao và sức mua tăng nhanh. Trung Quốc hy vọng sẽ vượt qua Nhật Bản và có vai trò quan trọng tại khu vực này.

2. Tác động của toàn cầu hóa, chuyển giao công nghệ đến sự phát triển kinh tế của Ấn Độ

Trong quá trình toàn cầu hóa, Ấn Độ cải thiện môi trường đầu tư để thu hút FDI phục vụ cho chiến lược xuất khẩu hàng hóa công nghệ cao. So với Trung Quốc, Ấn Độ thua xa về mức thu hút FDI nhưng Ấn Độ lại phát huy thế mạnh khác là sử dụng nguồn nhân lực tài năng trong lĩnh vực công nghệ và toán học ở trong và ngoài nước để phát triển công nghệ cao. Cách mạng xanh ở Ấn Độ đã thu được kết quả, khắc phục được nạn đói trong nhiều thập niên qua. Nhiều đánh giá cho rằng Ấn Độ được lợi từ quá trình toàn cầu hóa, di chuyển lao động có kỹ năng, tiếp nhận các dịch vụ ngoài biên giới. Sự cất cánh của công nghệ thông tin đã đưa Ấn Độ trở thành một hiện tượng đe dọa nhiều quốc gia kể cả Mỹ. Năm 2000 Ấn Độ mới xuất khẩu được 6 tỷ USD phần mềm, theo dự báo đến năm 2008, con số đó hơn 50 tỷ USD chiếm 1/3 giá trị xuất khẩu của cả nước. Hiện có 300 công ty xuyên quốc gia trong 500 công ty lớn nhất thế giới ký hợp đồng mua phần mềm của Ấn Độ. Số lượng kỹ sư công nghệ thông tin của Ấn Độ làm việc tại Bangalor là 150 nghìn người, nhiều hơn cả số kỹ sư tại thung lũng Silicon của Mỹ, hiện là 120 nghìn. Ít nhất có tới 1/3 sản lượng của ngành công nghệ thông tin của Mỹ được thực hiện ở nước ngoài, mà tại Ấn Độ là chủ yếu. Ấn Độ đã tiếp nhận 3 triệu chỗ làm việc của các công ty nước ngoài và đang tiếp tục tiếp nhận nhiều việc làm từ các quốc gia công nghiệp khác như Tây Âu, Nhật Bản vì mức lương của kỹ sư công nghệ Ấn Độ chỉ bằng 1/8 mức lương của đồng nghiệp Mỹ. Nguồn chất xám có chỉ số IQ cao, nói tiếng Anh thành thạo, chi phí thấp, Ấn Độ sẽ vượt qua Trung Quốc trong việc gây ảnh hưởng với Mỹ và Tây Âu ít nhất là trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Ngoài công nghệ thông tin, phân tích tài chính cũng là một thế mạnh của các chuyên gia Ấn

Độ. Các công ty chứng khoán phố Wall đã chuyển nhiều hợp đồng phân tích tài chính cho các trung tâm thuộc miền Nam Ấn Độ để phân tích và đánh giá.

Ấn Độ là nước có nền giáo dục đại học phát triển tốt. Để đáp ứng yêu cầu phát triển, chính phủ đầu tư nhiều hơn cho các lĩnh vực công nghệ cao. Mở rộng quy mô đào tạo đại học để đáp ứng yêu cầu thị trường lao động. Để xây dựng các trường đại học đẳng cấp quốc tế, một mặt Ấn Độ hợp tác với một số trường đại học Mỹ trong lĩnh vực đào tạo nhân lực tài năng. Mặt khác chính phủ khuyến khích các nhà khoa học Mỹ gốc Ấn Độ về giảng dạy hoặc thành lập các trường đại học tại Ấn Độ. Những năm qua, tốc độ tăng trưởng kinh tế Ấn Độ luôn duy trì ở mức cao. Tốc độ tăng trưởng Ấn Độ năm 2005 là 7,5%, có sự đóng góp rất quan trọng của công nghệ cao, trong số đó phải kể đến vai trò của công nghệ thông tin và công nghệ tự động hóa.

Ngoài công nghệ thông tin, dịch vụ cũng là một thế mạnh của Ấn Độ, tốc độ tăng trưởng của ngành dịch vụ có chiều hướng tăng nhanh hơn công nghiệp chế tạo. Ngoài dịch vụ thông tin, cải cách tài chính, ngân hàng đã tạo điều kiện cho các ngân hàng, cơ sở tài chính, trung tâm chứng khoán mở rộng thị trường và quy mô hoạt động. Đầu tư gián tiếp tại Ấn Độ tăng nhanh, mức độ cạnh tranh giữa các tổ chức tài chính ngày càng gay gắt khi Ấn Độ mở cửa thị trường vốn. Tuy nhiên, hệ thống dịch vụ và hoạt động quản lý các tổ chức tài chính của Ấn Độ đã phát huy hiệu quả nhờ áp dụng công nghệ hiện đại. Ngành dịch vụ của Ấn Độ đang được đánh giá là vượt qua Trung Quốc và có thể đe dọa tới cả ngành dịch vụ của Mỹ

Hợp tác thương mại cũng là một mục tiêu quan trọng của Ấn Độ. Trước đây đối

tác thương mại chính của ấn Độ là Mỹ. Năm 2004 tổng kim ngạch buôn bán hai chiều giữa Mỹ và Ấn Độ là 20 tỷ USD. Những năm tới, theo đánh giá của WB, Trung Quốc bỏ qua Mỹ và sẽ trở thành đối tác thương mại hàng đầu của Ấn Độ. Ngoài Trung Quốc thì hợp tác Nam Á Ấn Độ được coi là ưu tiên hàng đầu. Ấn Độ là thành viên lớn nhất, rất tích cực và chủ động trong việc thúc đẩy hoạt động của tổ chức hợp tác Nam Á bao gồm Ấn Độ, Bangladesh, Butan, Nêpan, Pakixtan, Xrilanca. Chính sách hướng Đông của ấn Độ cũng được thúc đẩy từ năm 1991, nhằm tăng cường các hoạt động thương mại với các nước châu Á - Thái Bình Dương. Năm 1993, Ấn Độ trở thành thành viên đối thoại của ASEAN. Năm 1996, ấn Độ được chính thức tham dự hội nghị ngoại trưởng ASEAN và diễn đàn ARF tại Iakarta. Từ đó quan hệ hợp tác nhiều mặt giữa Ấn Độ và ASEAN ngày càng được tăng, thí dụ năm 2003 Ấn Độ đã ký hiệp định thương mại tự do với Xingapo, Thái Lan.

3. Ảnh hưởng của xu thế hòa bình hợp tác đến quá trình phát triển của Trung Quốc và Ấn Độ

Sự lớn mạnh của Trung Quốc và Ấn Độ làm cho Mỹ, Nhật Bản, EU, Nga hết sức quan tâm. Nhiều ý kiến cho rằng chủ nghĩa bá quyền của Mỹ sẽ bị hạn chế bởi xu thế đa cực đang phát triển mạnh. Bên cạnh sự lớn mạnh của Trung Quốc và Ấn Độ, trên thế giới cũng xuất hiện các ý kiến cho rằng sự lớn mạnh của Trung Quốc và Ấn Độ sẽ đe dọa tới nguy cơ hòa bình trên thế giới. Những nhận định về tham vọng bá quyền của Trung Quốc đã nảy sinh học thuyết mới về sự đe dọa từ Trung Quốc những năm gần đây. Học thuyết này một mặt ủng hộ Trung Quốc để khai thác thị trường Trung Quốc, tranh thủ sự ủng hộ

của Trung Quốc trong một số vấn đề quốc tế. Mặt khác nhằm kiềm chế sự phát triển của Trung Quốc. Vấn đề Đài Loan, Tây Tạng, Casomia và vấn đề vũ khí hạt nhân của Iran, Bắc Triều Tiên... đang làm cho quan hệ giữa Trung Quốc - Mỹ, Trung Quốc - Ấn Độ, Pakixtan - Ấn Độ... cần có hướng giải quyết thích hợp. Để giảm sức ép từ Mỹ và phương Tây, Trung Quốc đã thiết lập quan hệ đối tác với Nga, Ấn Độ. Vấn đề biên giới Nga - Trung cơ bản đã được giải quyết, hai nước cùng hợp tác khai thác, phát triển vùng Viễn đông. Chuyến thăm Trung Quốc cuối tháng 3/2006 của Tổng thống Putin, Nga và Trung Quốc đã ký kết nhiều hợp đồng về trao đổi hàng hóa, đặc biệt trong số đó có hiệp định Nga sẽ cung cấp dầu và khí đốt cho Trung Quốc. Bởi vì nhu cầu về năng lượng phục vụ công nghiệp hóa tại Trung Quốc đang tăng nhanh, trong khi nguồn dầu khí lại khan hiếm.

Quan hệ Trung - Ấn thăng trầm trong nhiều thập niên qua. Cuộc xung đột biên giới năm 1962, Trung Quốc đã hợp tác với Pakixtan để chống lại Ấn Độ làm cho quan hệ hai nước xấu đi. Mãi tới năm 2002, sau 40 năm nhân chuyến thăm của Thủ tướng Trung Quốc Chu Dung Cơ, quan hệ hai nước đã có thay đổi lớn. Ngày 23/6/2003 tại Bắc Kinh, Trung Quốc và Ấn Độ đã ký tuyên bố nguyên tắc hợp tác toàn diện Trung - Ấn. Tuyên bố đó bảo đảm cho hai nước phát triển quan hệ đối tác, hợp tác lâu dài, cùng tồn tại hòa bình, tôn trọng lẫn nhau, giữ vững sự ổn định và phần vinh tại khu vực châu Á và trên thế giới. Để làm dịu tình hình căng thẳng tại Nam Á, một mặt Ấn Độ thay đổi lập trường về vấn đề Tây Tạng bằng cách loại bỏ Đạtlai Lạtma và những người Tây Tạng chống đối Trung Quốc sinh sống tại Ấn Độ. Mặt khác Ấn Độ cải thiện quan hệ

với Pakixtan giải quyết tranh chấp khu vực biên giới Casomia đồng thời yêu cầu Trung Quốc có thái độ dứt khoát đối với việc giải quyết vấn đề này. Cụ thể là loại bỏ các thế lực bên ngoài đang cung cấp tài chính và vũ khí cho phiến quân tại Casomia. Nhưng bộ từ hai phía đã làm cho không khí chính trị tại khu vực Nam á được cải thiện.

Trong suốt những năm diễn ra chiến tranh lạnh, Ấn Độ ngả hẳn về phía Liên Xô để tranh thủ sự giúp đỡ về kinh tế và mua vũ khí. Thời hậu chiến tranh lạnh, Ấn Độ quyết định đứng về phía siêu cường duy nhất là Mỹ. Để lập lại thế cân bằng tại Nam Á, giảm bớt những bất đồng với Pakixtan một đồng minh của Mỹ và là kẻ thù của Ấn Độ, Ấn Độ tiếp tục xích lại gần hơn với Mỹ. Kết quả quan trọng gần đây Ấn Độ đạt được trong chuyến thăm của Tổng thống Bush đầu tháng 3/2006, Mỹ đồng ý chuyển giao cho Ấn Độ một số công nghệ hiện đại, trong đó có công nghệ hạt nhân. Liên minh Mỹ - Ấn Độ - Pakixtan, ngoài mục tiêu hợp tác còn hướng vào mục tiêu làm giảm ảnh hưởng của Trung Quốc tại khu vực này.

Trong thế giới đa cực, hòa bình và hợp tác Trung Quốc đã tranh thủ các cơ hội để tăng cường các hoạt động xuất khẩu và thu hút FDI. Mỹ trở thành đối tác thương mại lớn nhất của Trung Quốc. Căng thẳng trong quan hệ thương mại giữa hai nước đã được Trung Quốc giải quyết ổn thỏa. Cụ thể là Trung Quốc ưu tiên cho các công ty Mỹ đầu tư vào Trung Quốc, và Trung Quốc ký những hợp đồng lớn nhập khẩu thiết bị, mua một số máy bay Boeing của Mỹ tới giá trị hợp đồng lên tới hàng tỷ USD. Tuy nhiên, không vì thế mà Trung Quốc ủng hộ chính sách đơn phương của Mỹ khi tấn công vào Irắc và giải quyết vấn đề hạt nhân của Bắc Triều Tiên và Iran,

vấn đề Đài Loan đòi độc lập. Vì đó là những khu vực Trung Quốc có nhiều lợi ích ở cả hai phương diện kinh tế và chính trị. Những bất đồng này theo các nhà phân tích sẽ được cải thiện trong chuyến thăm của Chủ tịch Hồ Cẩm Đào tại Mỹ vào tháng 4/2006.

Mặc dầu cho đến năm 2020, Mỹ vẫn là siêu cường nhưng khoảng cách giữa Mỹ và Trung Quốc, Ấn Độ sẽ bị thu hẹp lại. Toàn cầu hóa không phải là Mỹ hóa và làm cho bộ mặt của toàn cầu hóa không còn mang đặc điểm của phương Tây, mà còn làm thay đổi cả sân chơi chính trị. Vị trí của Trung Quốc và Ấn Độ trên bản đồ thế giới đang được nhiều nước quan tâm, làm cho Mỹ, Nhật, Tây Âu phải thay đổi các chính sách hợp tác.

Tài liệu tham khảo

1. D. Hale, H. Hale. *China take off*. Foreign Affairs Vol. 82. No - Dec, 2003.
2. V. Inozemxev. *Hiện tượng đặc biệt Trung Quốc*, Những vấn đề lý luận và thực tiễn quản lý N.3, 2004 (tiếng Nga).
3. *Chất xám động lực cất cánh của ấn Độ*, tạp chí Khoa học công nghệ thông tin xã Việt Nam, số 1 - 2004.
4. Trần Văn Tùng, *Diễn biến phức tạp của xung đột và chủ nghĩa khủng bố hiện nay*, tạp chí Kinh tế thế giới số 7 - 2005.
5. UNDP. Human Development Report, 2004. Oxford Univ. Press.
6. WB. *Global Production Networking and technological in East Asia*, Oxford Univ. Press, 2004.
7. *Mapping the Global Future*, Report of the NIC, 2002.
8. G. Erber; A. Sayed - Ahmed, *Offshore Outsourcing Global Shift in the Present IT industry Intereconomics*, March - Arpil 2005.